

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 06/2025/KDTM-ST
Ngày 28/5/2025
*Về việc “Tranh chấp
hợp đồng mua bán nước”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạ.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-KDTM ngày 14/02/2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán nước”*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – DS ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần C; *Đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Hoàng P – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công Đ.

Địa chỉ: C T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần V. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Tô Văn H – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: C N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/7/2012, Công ty cổ phần V và công ty TNHH C (nay là công ty cổ phần C) đã ký Hợp đồng mua bán nước máy số 0430645. Theo đó, đồng hồ nước lắp đặt tại địa chỉ số C đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 05/6/2023 nhân viên công ty cổ phần C đến ghi chỉ số đồng hồ nước lạnh theo định kỳ thì phát hiện khối lượng nước tăng đột biến là 4.276m^3 và tại thời điểm ghi chỉ số cùng ngày 05/6/2023, hai bên đã ký xác nhận khối lượng nước phát sinh trong tháng 6/2023 là 4.276m^3 , số tiền phải thanh toán là 84.554.088 đồng đã bao gồm thuế, phí (theo Hoá đơn Giá trị gia tăng số 530571 xuất ngày 08/6/2023).

Ngày 16/6/2023, đại diện Công ty cùng với ông Tô Văn H – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần V kiểm tra hiện trường và xác định nguyên nhân khối lượng nước tăng đột biến là do bị bể ống sau đồng hồ của hệ thống nước nội bộ do khách hàng quản lý.

Ngày 21 và 28/6/2023, Công ty đã gửi các Thông báo thanh toán tiền nước số 210/TB-DWC và số 06/TB-DWC cho C1 đề nghị thanh toán nợ tiền nước kỳ 06/2023 với số tiền 84.554.088 đồng.

Đến kỳ ghi ngày 01/7/2023 sản lượng nước tiêu thụ phát sinh thêm 14m^3 với số tiền là 324.182 đồng đã bao gồm thuế, phí (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 637201 ngày 05/7/2023).

Ngày 03/7/2023, Công ty ban hành Lệnh ngừng cấp nước số 09347/LCDWC, lý do cúp: Nợ tiền nước kỳ 06/2023 và kỳ 07/2023 với số tiền là: 84.878.270 đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi đồng chẵn).

Tiếp theo, công ty đã gửi cho công ty CP V Thông báo số 284/TB-DWC ngày 18/9/2023 yêu cầu thanh toán nợ và gửi Công văn số 03/TB-DWC ngày 04/01/2024 về việc thanh toán tiền nước sinh hoạt.

Ngày 20/02/2024, công ty cổ phần V gửi Công văn số 03CV/CT đề nghị xem xét, hỗ trợ giảm tiền nước; ngày 01/3/2024 công ty cổ phần C có Công văn số 40/CV-DWC đồng ý giảm 50% trong tổng số tiền 84.878.270 đồng, với điều kiện công ty cổ phần V thanh toán hết số tiền còn lại là 42.439.135 đồng cho công ty cổ phần C trước ngày 15/4/2024, nếu sau ngày 15/4/2024, công ty CP V chưa thanh toán dứt điểm số tiền trên, công ty cổ phần C sẽ không giảm 50% mà phải thanh toán 100% số tiền công ty CP V còn nợ.

Ngày 15/4/2024, Công ty cổ phần V gửi Công văn số 06CV/CT đề nghị gia hạn thời gian thanh toán là ngày 15/5/2024 nhưng sau đó công ty cổ phần V không thực hiện như đề nghị.

Ngày 30/7/2024, Công ty gửi Công văn số 160/CV-DWC đề nghị công ty cổ phần V thanh toán số công nợ tiền nước cho công ty cổ phần C nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Vì những lý do trên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc công ty cổ phần V trả cho Công ty cổ phần C số tiền 84.878.270 đồng.

Trường hợp phía bị đơn trả ngay thì nguyên đơn đồng ý giảm 50% số tiền nước.

2. Quá trình làm việc đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Về nội dung thanh toán tiền nước: Công ty cổ phần V và công ty cổ phần C ký hợp đồng mua bán nước sạch số 0430645 ngày 10/7/2012. Công ty cổ phần V luôn thực hiện thanh toán tiền nước hàng tháng đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng.

Kể từ ngày 01/01/2021, công ty cổ phần V đã tạm ngừng kinh doanh nên không có nhân sự làm việc, kiểm tra, giám sát cơ sở vật chất tại tòa nhà công ty.

Công ty cổ phần V nhận được hóa đơn tiền nước kì ghi thu tháng 5/2023 với số tiền 84.554.088 đồng (4.276m³ nước). Nhận thấy khối lượng nước tiêu thụ tăng bất thường (trước đây hằng tháng tiêu thụ khoảng 10m³ nước mỗi tháng tương đương số tiền là 250.000 đồng) nên ngày 05/6/2023 công ty đã liên hệ với cán bộ kỹ thuật của công ty C để xác định nguyên nhân và phát hiện ra điểm gây thất thoát do đường ống ngầm dưới đất sau nhà văn phòng bị vỡ và chảy ra hầm rút cách đó khoảng 1m.

Công ty đã có văn bản số 03/CV/CT ngày 20/2/2024 gửi công ty cổ phần C đề nghị xem xét giảm 70% số tiền phải thanh toán. Công ty cổ phần C có văn bản trả lời chỉ đồng ý giảm 50% tổng số tiền phải thanh toán tại văn bản số 40/CV-DWC ngày 01/3/2024. Tuy nhiên, do công ty cổ phần V đã tạm ngừng kinh doanh từ năm 2021 nên không có nguồn thu, tình hình tài chính khó khăn nên đã đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán.

Đường ống bị vỡ nằm dưới đất sau tòa nhà, không có dấu hiệu đọng nước, thấm nước trên mặt đất và công ty không có nhân sự kiểm tra do đã tạm ngừng kinh doanh cùng với không có chuyên môn nghiệp vụ nên rất khó để phát hiện và xử lý kịp thời. Đây là nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, không do tác động của con người, nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty.

Do công ty đã tạm ngừng kinh doanh 3 năm nên tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn, vì vậy, kính đề nghị Tòa án xem xét giảm 60% tổng số tiền phải thanh toán, chấp thuận cho công ty cổ phần V thanh toán 40% tổng số tiền trong vòng 01 tháng kể từ ngày 28/3/2025.

Trường hợp được chấp thuận, công ty cổ phần V sẽ cố gắng cân đối nguồn để thanh toán cho công ty cổ phần C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử: Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán nước*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50; Điều 55; Điều 74; Điều 85; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán toàn bộ số tiền sử dụng nước còn phải thanh toán tiền cho Công ty cổ phần C với tổng số tiền 84.878.270 đồng (*Trong đó: 84.554.088 đồng số tiền thanh toán nước theo hóa đơn giá trị gia tăng số 530571 ngày 08/6/2023 và 324.182 đồng số tiền thanh toán nước theo hóa đơn giá trị gia tăng số 637201 ngày 05/7/2023*).

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật; bị đơn Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án Công ty cổ phần C yêu cầu Công ty cổ phần V phải thanh toán tổng số tiền còn nợ hợp đồng cung cấp nước là 84.878.270 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán nước*”, được quy định khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần V có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự và

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần C đều chấp hành tốt quy định của pháp luật và có mặt đầy đủ tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về sự có mặt của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 10/7/2012, Công ty cổ phần V và công ty TNHH MTV C (nay là công ty cổ phần C) đã ký Hợp đồng mua bán nước máy số 0430645. Theo đó, đồng hồ nước lắp đặt tại địa chỉ số C đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 05/6/2023 nhân viên Công ty cổ phần C đến

ghi chỉ số đồng hồ nước lạnh theo định kỳ thì phát hiện khối lượng nước tăng đột biến là 4.276m^3 và tại thời điểm ghi chỉ số cùng ngày 05/6/2023, hai bên đã ký xác nhận khối lượng nước phát sinh trong tháng 6/2023 là 4.276m^3 , số tiền phải thanh toán là 84.554.088 đồng đã bao gồm thuế, phí (theo Hoá đơn Giá trị gia tăng số 530571 xuất ngày 08/6/2023).

Ngày 21 và 28/6/2023, Công ty cổ phần C đã gửi các thông báo thanh toán tiền nước số 210/TB-DWC và số 06/TB-DWC cho Công ty cổ phần V đề nghị thanh toán nợ tiền nước kỳ 06/2023 với số tiền 84.554.088 đồng. Đến kỳ ghi ngày 01/7/2023 sản lượng nước tiêu thụ phát sinh thêm 14m^3 với số tiền là 324.182 đồng đã bao gồm thuế, phí (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 637201 ngày 05/7/2023). Ngày 03/7/2023, Công ty cổ phần C ban hành Lệnh ngừng cấp nước số 09347/LCDWC, lý do cúp: Nợ tiền nước kỳ 06/2023 và kỳ 07/2023 với số tiền là: 84.878.270 đồng. Sau nhiều lần Công ty cổ phần C thông báo về việc thanh toán tiền nước cũng như hỗ trợ giảm 50% tiền thanh toán sử dụng nước trong kỳ 06/2023 nhưng Công ty cổ phần V vẫn không thực hiện việc thanh toán theo đúng hạn mà các bên đã cam kết.

Nay Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần V thanh toán tiền nước cho Công ty cổ phần C số tiền 84.878.270 đồng.

3.1. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của của các đương sự trong quá trình làm việc xác định giữa Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần V có ký các hợp đồng cung cấp nước theo hợp đồng số 0430645 ngày 10/7/2012. Trong quá trình sử dụng nước thì ngày 05/6/2023 nhân viên Công ty cổ phần C đến ghi chỉ số đồng hồ nước lạnh theo định kỳ thì phát hiện khối lượng nước tăng đột biến là 4.276m^3 và tại thời điểm ghi chỉ số cùng ngày 05/6/2023, hai bên đã ký xác nhận khối lượng nước phát sinh trong tháng 6/2023 là 4.276m^3 , trong quá trình làm việc giữa hai Công ty các bên đều xác nhận chỉ số nước sử dụng, nguyên nhân việc tăng nước đột biến và xác nhận số tiền phải thanh toán, ngoài ra trong kỳ tháng 6/2023 lượng nước tại Công ty cổ phần V tăng đột biến là do ống nước sau đồng hồ của hệ thống nước nội bộ do Công ty cổ phần V quản lý, đây là sự thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, quản lý hệ thống nước nội bộ của Công ty V, không thường xuyên theo dõi chỉ số nước máy sử dụng để kịp thời sửa chữa, khắc phục đường ống nước bị hư. Mặt khác, trong quá trình giải quyết sự cố tăng chỉ số nước giữa Công ty cổ phần V và Công ty cổ phần C đã có thông báo về việc xem xét, hỗ trợ giảm tiền nước cụ thể theo công văn số 03CV/CT ngày 20/02/2024 của Công ty cổ phần V và theo Công văn số 40/CV-DWC ngày 01/3/2024 Công ty cổ phần C, tuy nhiên đến thời hạn cam kết Công ty V vẫn không thực hiện việc thanh toán. Vì vậy, Công ty cổ phần V phải chịu trách nhiệm đối với việc đường ống nước bị hư dẫn đến tăng chỉ số sử dụng nước.

Qua nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần V có phát sinh hợp đồng cung ứng dịch vụ một bên cung cấp nước sử dụng một bên sử dụng nước, trong quá trình sử dụng nước Công ty cổ phần V đã tiêu thụ nước tháng 6 năm 2023 là 4.276m^3 và trong tháng 7 năm

2023 tiêu thụ nước 14m³ tổng số tiền nước phải thanh toán là 84.878.270 đồng. Do đó, việc Công ty cổ phần C khởi kiện Công ty cổ phần V phải thanh toán tiền nợ 84.878.270 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn - Công ty cổ phần C không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.122.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số 0000769 ngày 24/01/2025 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn – Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 50; Điều 55; Điều 74; Điều 85; Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán toàn bộ số tiền sử dụng nước còn phải thanh toán tiền cho Công ty cổ phần C với tổng số tiền 84.878.270 đồng (*Trong đó: 84.554.088 đồng số tiền thanh toán nước theo hóa đơn giá trị gia tăng số 530571 ngày 08/6/2023 và 324.182 đồng số tiền thanh toán nước theo hóa đơn giá trị gia tăng số 637201 ngày 05/7/2023*).

Kể từ ngày có đơn thi hành án Công ty cổ phần V phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty cổ phần V phải chịu 4.243.913 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần C không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.122.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số 0000769 ngày 24/01/2025 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl